

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám Đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 và các chỉ số kế toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần cáp treo Núi Bà Tây Ninh là Doanh nghiệp có vốn đầu tư B vốn đầu tư của Công ty du lịch Tây Ninh theo Quyết định số 227/QĐ-CT ngày 27 tháng 12 năm 2000 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4503000004 ngày 11 tháng 01 năm 2001 do Sở Kế hoạch và thuế tỉnh Tây Ninh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và thuế tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 15 tháng 11 năm 2004 và vì vậy thay đổi nội dung theo pháp luật của Công ty và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 06 tháng 7 năm 2009 và vì vậy tăng vốn đầu tư.

Cổ phần của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 73/UBCK-GPNY ngày 15 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2009, Công ty chuyển sàn niêm yết cổ phần tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận số 54/GCN-SGDHN ngày 05 tháng 10 năm 2009.

Vốn đầu tư theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh: 31.970.000.000 VND

Cổ đông	Số cổ phiếu	Thành tiền (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
- Công ty cổ phần du lịch và thương mại Tây Ninh	1.630.520	16.305.200.000	51,00
- Công ty bảo hiểm nhân thọ Tây Ninh	300.000	3.000.000.000	9,38
- Tổng Công ty bảo hiểm Việt Nam	300.000	3.000.000.000	9,38
- Các cá nhân khác	966.480	9.664.800.000	30,24
Cộng	3.197.000	31.970.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : xã Ninh Sơn, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Số điện thoại : (84 - 066) 3624.139 - 3624.022

Fax : (84 - 066) 3823.448

E-mail : catour@hcm.vnn.vn

Mã số thuế : 3900309621

Hoạt động chính của Công ty là:

- Vận chuyển du khách, hàng hóa, vận tải bằng phương tiện cáp treo;
- Cho thuê quần áo trên panô, cabin và trò chơi thu phí của Công ty quản lý;
- Nhận chuyển giao công nghệ các loại hình vui chơi giải trí trên các ngoài và kinh doanh các loại hình vui chơi giải trí;
- Kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu vận tải thị trường hàng hóa nông sản;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Kinh lý ký gí mua bán hàng hóa;
- Vận chuyển hành khách bằng phương tiện giao thông;
- Các dịch vụ khác trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính t i th i Li m ngày 31 tháng 12 năm 2009, k t qu ho t L ng kinh doanh và l u chuy n t i n t cho năm tài chính k t thúc cùng ngày c a Công ty L c trình bày trong Báo cáo tài chính Lính kèm báo cáo này (t r a n g 06 L n t r a n g 26).

Ngày 21 tháng 4 năm 2009, n h i h i L ng c L o n g th n g n i e n L a th n g n h t v i c p h a n p h i l i n h u n s a u t h u n h m 2008 n h s a u:

- Trích l p các qu :
 - + Qu L u t và phát tri n 11.948.499.000 VND
 - + Qu khen th ng và phúc l i (3 tháng l n g k ho ch) 1.285.500.000 VND
 - + Thù lao H i L ng qu n tr và Ban ki m soát 180.000.000 VND
 - + Trích th n g 566.000.000 VND
- Chia c t c 55% v n Li u l .

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

n h i h i L ng c L o n g th n g n i e n n h m 2009 c H g L a th n g n h t p h n g a n p h a t h a n h c p h i u t n g v n Li u l n h s a u:

- Phát hành c p h i u th n g cho các c L o n g h i n h u t h o t l 1:1
- Phát hành 79.925 c p h i u u L a i b n g g i a t r s s á c h t i th i Li m p h a t h a n h (g i i h n q u y n c h u y n n h n g m t n h m) cho thành viên H i L ng qu n tr , Ban ki m soát, cán b c h c h t.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám L c Công ty kh n g L n h k h o n g c ó s k i n n à o p h a t s i n h s a u n g à y 31 t h á n g 12 n h m 2009 c h o L n t h i Li m l p báo cáo này mà c h a L c x e m x e t L i u c h n h s l i u h o c c o n g b t r o n g B á o c á o t à i c h i n h.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên H i L ng qu n tr và Ban L i u h a n h, q u n l y c a Công ty t r o n g n h m và c h o L n t h i Li m l p báo cáo này b a o g m:

Hội đồng quản trị

H và tên	Ch c v	Ngày b n h i m	Ngày m i n n h i m
Ông Nguy n Thái Bình	Ch t ch	24 tháng 4 năm 2007	-
Ông Lê H u Ph c	Phó Ch t ch	24 tháng 4 năm 2007	-
Ông n n g T n Tài	Thành viên	24 tháng 4 năm 2007	-
Ông Tr n Trung Kiên	Thành viên	24 tháng 4 năm 2007	-
Ông Lê Thanh S n	Thành viên	24 tháng 4 năm 2007	-

Ban kiểm soát

H và tên	Ch c v	Ngày b n h i m	Ngày m i n n h i m
Ông Võ Ph c H n g	Tr n g b a n	24 tháng 4 năm 2007	-
Ông n n g V n H o a n g	Thành viên	24 tháng 4 năm 2007	-
Ông Lý Bình Hòa	Thành viên	24 tháng 4 năm 2007	-

Ban Giám đốc

H và tên	Ch c v	Ngày b n h i m	Ngày m i n n h i m
Ông Lê H u Ph c	Giám L c	24 tháng 4 năm 2007	-
Ông Tr n Trung Kiên	Phó Giám L c	28 tháng 8 năm 2001	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) Là kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, A&C bày tỏ nguy cơ vi phạm tính trung thực của Báo cáo tài chính là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tài sản của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phớt lờ:

- Chênh lệch các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thiếu hụt các phán đoán và các tính toán một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các văn bản quy định của công bố và ghi trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trong khi thực tế không thể liên tục của Công ty và tính liên tục.

Ban Giám đốc Lâm báo, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp để lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính để lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo là để lập một cách trung thực, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tài sản cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đúng như phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc

Lê Hữu Phước

Giám đốc

(Đã ký và đóng dấu)

Ngày 20 tháng 01 năm 2010

S : 0016/2010/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi Là ki m toán Báo cáo tài chính năm 2009 c a Công ty c ph n cáp treo Núi Bà Tây Ninh g m: B ng cân L i k toán t i th i Li m ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo k t qu ho t L ng kinh doanh, Báo cáo l u chuy n ti n t và B n thuy t minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính k t thúc cùng ngày, L c l p ngày 15 tháng 01 năm 2010, t trang 06 L n trang 26 kèm theo.

Vì c l p và trình bày Báo cáo tài chính này thu c trách nhi m c a Ban Giám L c Công ty. Trách nhi m c a Ki m toán viên là L a ra ý ki n v các báo cáo này d a trên k t qu công vi c ki m toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi Là th c hi n công vi c ki m toán theo các Chu n m c ki m toán Vi t Nam. Các Chu n m c này yêu c u công vi c ki m toán ph i l p k ho ch và th c hi n L có s L m b o h p lý r ng Báo cáo tài chính không còn ch a L ng các sai sót tr ng y u. Chúng tôi Là th c hi n ki m toán theo ph ng pháp ch n m u và áp d ng các th nghi m c n thi t, ki m tra các b ng ch ng xác minh nh ng thông tin trong Báo cáo tài chính; Lánh giá vi c tuân th các Chu n m c và Ch L k toán hi n hành, các nguyên t c và ph ng pháp k toán L c áp d ng, các c tính và xét Loán quan tr ng c a Ban Giám L c cHng nh cách trình bày t ng th Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin r ng công vi c ki m toán Là cung c p nh ng c s h p lý cho ý ki n c a chúng tôi.

Giới hạn về phạm vi kiểm toán

Ngày 27 tháng 5 năm 2009, n i h i c Lông th ng niên c a Công ty c ph n n c khoáng Ninh n i n Tây Ninh Là quy t L nh gi i th Công ty này do kinh doanh không hi u qu . Tuy nhiên, cho L n th i Li m ki m toán, th t c thanh lý gi i th v n ch a xong, do Ló Công ty ch a t i n hành thanh lý cHng nh ghi nh n kho n l liên quan L n kho n L u t vào Công ty c ph n n c khoáng Ninh n i n Tây Ninh (xem thuy t minh V.10).

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý ki n chúng tôi, ngo i tr nh h ng c a các v n L nêu trên, Báo cáo tài chính Là ph n ánh h p lý trên các khía c nh tr ng y u tình hình tài chính c a Công ty c ph n cáp treo Núi Bà Tây Ninh t i th i Li m ngày 31 tháng 12 năm 2009, cHng nh k t qu ho t L ng kinh doanh và các lu ng l u chuy n ti n t cho năm tài chính k t thúc cùng ngày, phù h p v i các Chu n m c, Ch L K toán Doanh nghi p Vi t Nam hi n hành và các quy L nh pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)

Lý Qu c Trung - Phó T ng Giám L c
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV
(Đã ký và đóng dấu)
TP. H Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2010

D ng H ng Phúc - Ki m toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0093/KTV
(Đã ký)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		86.153.102.238	60.495.343.338
I.	Tiền và các khoản thanh toán	110	V.1	11.545.674.509	1.437.132.721
1.	Tiền	111		3.745.674.509	1.437.132.721
2.	Các khoản thanh toán	112		7.800.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		69.500.000.000	52.000.000.000
1.	Chứng khoán	121	V.2	69.500.000.000	52.000.000.000
2.	D phòng ghi m giá L u t ng n h n	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		3.134.650.537	4.957.698.688
1.	Ph i thu khách hàng	131		54.030.690	-
2.	Tr tr c cho ng i bán	132	V.3	473.668.000	341.620.000
3.	Ph i thu n i b ng n h n	133		-	-
4.	Ph i thu theo t i n L k ho ch h p L ng xây d ng	134		-	-
5.	Các kho n ph i thu khác	135	V.4	2.606.951.847	4.616.078.688
6.	D phòng ph i thu ng n h n khó Lòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		1.689.920.212	1.693.184.966
1.	Hàng t n kho	141	V.5	1.689.920.212	1.693.184.966
2.	D phòng gi m giá hàng t n kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		282.856.980	407.326.963
1.	Chi phí tr tr c ng n h n	151		-	-
2.	Thu giá tr gia t i n L c kh u tr	152		5.429.363	1.559.142
3.	Thu và các kho n khác ph i thu Nhà n c	154	V.6	117.585.617	326.830.071
4.	Tài s n ng n h n khác	158	V.7	159.842.000	78.937.750

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.872.414.381	6.792.467.010
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Ph i thu dài h n c a khách hàng	211		-	-
2.	V n kinh doanh các L n v tr c thu c	212		-	-
3.	Ph i thu dài h n n i b	213		-	-
4.	Ph i thu dài h n khác	218		-	-
5.	D phòng ph i thu dài h n khó Lỗi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		1.066.922.790	3.548.600.391
1.	Tài s n c L nh h u hình	221	V.8	232.619.684	3.371.385.185
	<i>Nguyên giá</i>	222		59.705.222.579	59.812.728.484
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(59.472.602.895)	(56.441.343.299)
2.	Tài s n c L nh thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài s n c L nh vô hình	227		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4.	Chi phí xây d ng c b n d dang	230	V.9	834.303.106	177.215.206
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá tr hao mòn lHỢ k</i>	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.018.600.000	2.018.600.000
1.	ñ u t vào công ty con	251		-	-
2.	ñ u t vào công ty liên k t, liên doanh	252		-	-
3.	ñ u t dài h n khác	258	V.10	2.018.600.000	2.018.600.000
4.	D phòng gi m giá L u t tài chính dài h n	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		786.891.591	1.225.266.619
1.	Chi phí tr tr c dài h n	261	V.11	660.819.694	1.126.097.427
2.	Tài s n thu thu nh p hoãn l i	262	V.12	126.071.897	99.169.192
3.	Tài s n dài h n khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		90.025.516.619	67.287.810.348

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A-	NỢ PHẢI TRẢ	300		8.826.289.919	3.421.346.055
I.	Nợ ngắn hạn	310		8.085.741.669	2.814.924.705
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2.	Phải trả ngắn hạn	312	V.13	182.653.450	41.160.000
3.	Ngân hàng mua trả tiền trước	313		74.059.776	62.405.598
4.	Thu và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	5.491.289.527	-
5.	Phải trả ngắn hạn lao động	315	V.15	2.195.761.935	2.622.850.875
6.	Chi phí phải trả	316	V.16	80.000.000	50.000.000
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hoạch định sản xuất	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	61.976.981	38.508.232
10.	Danh phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		740.548.250	606.421.350
1.	Phải trả dài hạn ngắn hạn	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Danh phòng trả cấp phát làm	336	V.18	740.548.250	606.421.350
7.	Danh phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		81.199.226.700	63.866.464.293
I.	Vốn chủ sở hữu	410		80.379.435.150	62.737.529.198
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.19	31.970.000.000	15.985.000.000
2.	Thặng dư nội bộ	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.19	21.863.748.898	25.900.250.268
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.19	1.943.780.300	1.943.780.300
9.	Quỹ khác thu của chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chia phân phối	420	V.19	24.601.905.952	18.908.498.630
11.	Ngũn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		819.791.550	1.128.935.095
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.20	819.791.550	1.128.935.095
2.	Ngũn kinh phí	432		-	-
3.	Ngũn kinh phí Lễ hình thành TSCN	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		90.025.516.619	67.287.810.348

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vốn đầu tư, hàng hóa nhận giữ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó Lỗi Lỗi x lý		-	-
5. Nợ với các loại		-	-
6. Dữ liệu chi số nghiệp vụ, dự án		-	-

Tây Ninh, ngày 15 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu
(Đã ký)
Trần Thị Song Giang

Kế toán trưởng
(Đã ký)
Nguyễn Văn Sinh

Tổng Giám đốc
(Đã ký và đóng dấu)
Lê Hữu Phước

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2009

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	40.752.940.414	36.792.831.111
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	40.752.940.414	36.792.831.111
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.866.274.905	6.002.526.702
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.886.665.509	30.790.304.409
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.652.333.279	7.086.906.032
7. Chi phí tài chính	22		-	61.321.961
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	61.321.961
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	8.309.938.021	7.079.443.737
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	4.310.099.408	4.608.482.826
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.918.961.359	26.127.961.917
11. Thu nhập khác	31	VI.6	113.296.387	146.396.162
12. Chi phí khác	32		-	7.188.183
13. Lợi nhuận khác	40		113.296.387	139.207.979
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.032.257.746	26.267.169.896
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	5.622.254.499	3.594.590.458
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(26.902.705)	(99.169.192)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.436.905.952	22.771.748.630
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	8.269	7.123

Tây Ninh, ngày 15 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu
(Đã ký)
Trần Thị Song Giang

Kế toán trưởng
(Đã ký)
Nguyễn Văn Sinh

Tổng Giám đốc
(Đã ký và đóng dấu)
Lê Hữu Phước

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		32.032.257.746	26.267.169.896
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8	3.138.765.501	4.554.216.120
- Các khoản d phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ hoạt động tài chính	05	VI.3	(8.613.586.870)	(7.058.137.324)
- Chi phí lãi vay	06		-	61.321.961
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26.557.436.377	23.824.570.653
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		201.851.468	14.381.021
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.264.754	(89.741.381)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(217.310.635)	652.664.074
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		465.277.733	(578.450.822)
- Tiền lãi vay lãi trả	13		-	(61.321.961)
- Thu nhập doanh nghiệp lãi trả	14		-	(3.788.022.013)
- Tiền thu khác hoạt động kinh doanh	15		-	53.107.500
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.19, V.20	(2.710.143.545)	(1.723.001.320)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24.300.376.152	18.304.185.751
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(657.087.900)	(102.014.968)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	10.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ có lãi suất cố định và khác	23		(82.500.000.000)	(52.000.000.000)
4. Tiền thu từ cho vay, bán lại các công cụ nợ có lãi suất cố định và khác	24		65.000.000.000	35.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu từ đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, VI.3	10.359.253.536	5.557.851.462
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.797.834.364)	(11.033.708.961)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn				
1. Các khoản thu	31		-	-
Tiền chi trả góp vốn cho các công ty, mua				
2. Các khoản chi trả doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn khác	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(1,888,443,604)
5. Tiền chi trả thuế tài chính	35		-	-
6. Các khoản khác	36	V.20	(6,394,000,000)	(4,955,350,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6,394,000,000)	(6,843,793,604)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		10,108,541,788	426,683,186
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1,437,132,721	1,010,449,535
nhận được các khoản thay đổi giá trị loại quy đổi	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	11,545,674,509	1,437,132,721

Tây Ninh, ngày 15 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu
(Đã ký)
Trần Thị Song Giang

Kế toán trưởng
(Đã ký)
Nguyễn Văn Sinh

Tổng Giám đốc
(Đã ký và đóng dấu)
Lê Hữu Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ - thương mại.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Vận chuyển du khách, hàng hóa, vận tải bằng phương tiện cáp treo; cho thuê quần áo trên panô, cabin và trò chơi thả đu tại Công ty quản lý; vận chuyển hành khách bằng hệ thống thi công móng trụ; các dịch vụ khác trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của Công ty

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là năm tài chính thứ 9 của Công ty.

- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc Công ty cam kết tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chi phí ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- 2. Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tiền bằng tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản thu ngắn hạn có thể chuyển đổi thành tiền mặt hoặc tài sản khác không quá 3 tháng kể từ ngày mua, đang chuyển đổi thành tiền mặt hoặc tài sản khác không có rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đ phòng ghi m giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí để tính hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Đ phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu khó đòi chuyển vào tài khoản quá hạn của các khoản cho vay để kiểm soát và xử lý.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu của được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bút toán kho bãi nào phát sinh do việc thanh lý được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	4

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu người thuê không có quyền và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng tài sản thu được cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời gian thuê tài sản, không phải thu vào phương thức thanh toán tài sản thuê.

7. Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc sản xuất tài sản đang có mặt thì gián tiếp (trên 12 tháng) được tính vào sản phẩm theo mức lịch sử chi phí lãi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vay chung trong đó có sản phẩm cho mức lịch sử xây dựng hoặc sản xuất tài sản đang thì chi phí lãi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa lãi với chi phí lãi kỳ bình quân gia quyền phát sinh cho việc xây dựng công trình hoặc sản xuất tài sản. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chi trả trong kỳ ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mức lịch sử hình thành mặt tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và các kinh doanh lãi ngắn kỳ được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư không phải để nắm giữ để hưởng lợi ích kinh doanh được mua bán trên thị trường và có giá trị trên giá trị gốc hoặc giá trị gốc tính trên sổ sách. Đầu tư không phải để nắm giữ để hưởng lợi ích kinh doanh được mua bán trên thị trường và có giá trị trên giá trị gốc hoặc giá trị gốc tính trên sổ sách. Đầu tư không phải để nắm giữ để hưởng lợi ích kinh doanh được mua bán trên thị trường và có giá trị trên giá trị gốc hoặc giá trị gốc tính trên sổ sách. Đầu tư không phải để nắm giữ để hưởng lợi ích kinh doanh được mua bán trên thị trường và có giá trị trên giá trị gốc hoặc giá trị gốc tính trên sổ sách.

Khi thanh lý mặt khoản đầu tư, chênh lệch giữa giá trị thanh lý thu được và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ được tính vào sản phẩm được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp摊销 trong vòng thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất trả trước cho phần đất Công ty Lang sử dụng để xây dựng nhà máy. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quyền lợi trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm: chi phí sửa chữa nhà ga, chi phí thay cáp treo, kéo máng trượt, chi phí thay cáp treo, cáp treo,... và được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp摊销 trong vòng thời gian phân bổ không quá 3 năm.

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở tính lương hưu và được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư các sở hữu: Được ghi nhận theo số tiền đã đầu tư vào các công đồng.
- Thành lập vốn: chênh lệch do phát hành cổ phiếu ưu đãi hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung tài sản kinh doanh, giá trị các tài sản được nhượng, bán, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo nội quy Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản phải trả trong kỳ tài chính công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thuế thu nhập hoãn lại có giá trị như khoản khấu trừ các khoản chênh lệch thuế hiện tại mà sẽ phải trả và tính thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản thuế và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ hoàn lại do chênh lệch thuế hiện tại mà giá trị ghi sổ của tài sản và khoản phải trả cho các khoản thuế thu nhập và các giá trị dùng cho các khoản thuế thu nhập hoãn lại phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch thuế hiện tại chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế sử dụng những chênh lệch thuế hiện tại được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy có lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của khoản thuế hoãn lại hoàn toàn bị tài sản thuế thu nhập hoãn lại bị sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất tính áp dụng cho năm tài sản thuế thu nhập hiện tại hay khoản phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu khi có thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn nghi ngờ gì về việc không chắc chắn rằng liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong kỳ được thể hiện trên sổ sách và tài khoản hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định bằng lợi ích chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất kỳ được ghi nhận khi công đồng được quy định như sau.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	272.349.000	397.358.700
Tiền gửi ngân hàng	3.473.325.509	1.039.774.021
Các khoản thanh toán khác	7.800.000.000	-
Cộng	11.545.674.509	1.437.132.721

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ 6 - 12 tháng tại các Ngân hàng, chi tiết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tây Ninh	4.000.000.000	21.000.000.000
Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hòa Thành	22.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Công Thương Việt Nam Tây Ninh	2.000.000.000	11.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình - Phòng giao dịch Tây Ninh	-	10.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Tây Ninh	41.500.000.000	-
Cộng	69.500.000.000	52.000.000.000

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần tư nhân xây dựng nông nghiệp và phát triển nông thôn Tây Ninh	-	130.000.000
Trung tâm quy hoạch và kiến trúc xây dựng Tây Ninh	175.620.000	125.620.000
Công ty TNHH thi công kiến trúc P.A	102.000.000	-
Công ty TNHH Tây Ph	114.548.000	-
Nhà cung cấp khác	81.500.000	86.000.000
Cộng	473.668.000	341.620.000

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn để thu	2.555.066.667	4.304.833.333
Lãi trái phiếu, công trái để thu	22.205.556	18.105.556
Phải thu nhân viên tạm thu thu nhập cá nhân	29.276.107	288.370.299
Phải thu khác	403.517	4.769.500
Cộng	2.606.951.847	4.616.078.688

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên vật liệu	1.689.920.212	1.693.184.966
Cộng	1.689.920.212	1.693.184.966

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thu thu nhập doanh nghiệp nộp thuế	-	160.943.347
Thu thu nhập cá nhân nộp thuế	117.585.617	165.886.724
Cộng	117.585.617	326.830.071

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	159.842.000	78.937.750
Cộng	159.842.000	78.937.750

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	12.689.734.877	45.096.692.973	1.144.627.898	807.638.372	74.034.364	59.812.728.484
Thanh lý, nhượng bán	(85.174.905)	-	-	(22.331.000)	-	(107.505.905)
Số cuối năm	12.604.559.972	45.096.692.973	1.144.627.898	785.307.372	74.034.364	59.705.222.579
<i>Trong đó:</i>						
Giá trị hao hụt tính nhúng vốn còn sót lại	12.373.720.247	44.882.471.089	1.144.627.898	590.509.274	74.034.364	59.065.362.872
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	10.271.801.797	44.873.492.835	639.821.276	582.193.027	74.034.364	56.441.343.299
Hao hụt trong năm	2.327.027.455	151.979.246	504.806.622	154.952.178	-	3.138.765.501
Thanh lý, nhượng bán	(85.174.905)	-	-	(22.331.000)	-	(107.505.905)
Số cuối năm	12.513.654.347	45.025.472.081	1.144.627.898	714.814.205	74.034.364	59.472.602.895
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	2.417.933.080	223.200.138	504.806.622	225.445.345	-	3.371.385.185
Số cuối năm	90.905.625	71.220.892	-	70.493.167	-	232.619.684

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí xây dựng hạ tầng cáp treo mới	177.215.206	653.322.896	-	830.538.102
Chi phí xây dựng pano quảng cáo Bàu Núi	-	3.765.004	-	3.765.004
Cộng	177.215.206	657.087.900	-	834.303.106

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

10. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư vào	1.868.600.000	1.868.600.000
- Công ty cổ phần khách sạn và lữ hành Tây Ninh (sở hữu 13,8% vốn)	368.600.000	368.600.000
- Công ty cổ phần nước khoáng Ninh Điền (sở hữu 15% vốn)(*)	1.500.000.000	1.500.000.000
Đầu tư trái phiếu Chính phủ	150.000.000	150.000.000
Cộng	2.018.600.000	2.018.600.000

(*) Ngày 27 tháng 5 năm 2009, Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh đã quyết định cho Công ty này do kinh doanh không hiệu quả. Tuy nhiên, cho đến thời điểm kiểm toán, thủ tục thanh lý giải thể vẫn chưa xong, do đó Công ty chưa tiến hành thanh lý công nợ ghi nhận khoản liên quan đến khoản đầu tư này.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ, dụng cụ	222.652.105	85.838.980	(198.351.394)	110.139.691
Tiền thuê đất đai, công trình, công cụ	11.137.500	28.000.000	(12.066.667)	27.070.833
Phí sử dụng nhà ga, mặt nước	69.161.594	-	(69.161.594)	-
Thay cáp treo, cáp treo, máng trượt	823.146.228	-	(299.537.058)	523.609.170
Cộng	1.126.097.427	113.838.980	(579.116.713)	660.819.694

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời về kế toán thuế. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	99.169.192
Phát sinh trong năm	26.902.705
Số cuối năm	126.071.897

13. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần du lịch và thương mại Tây Ninh	-	41.160.000
Công ty cổ phần bột mì Petrolimex (PJICO)	60.153.450	-
Công ty cổ phần xây dựng - thương mại - dịch vụ Tân Trường Thành	122.500.000	-
Cộng	182.653.450	41.160.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thu GTGT hàng bán n i L a	-	2.091.584.605	(2.072.193.488)	19.391.117
Thu thu nh p doanh nghi p (*) (160.943.347)	5.622.254.499		-	5.461.311.152
Thu thu nh p cá nhân (*) (165.886.724)	51.656.107		(3.355.000)	(117.585.617)
Ti n thuế L t	-	333.063.912	(333.063.912)	-
Các lo i thu khác	-	13.587.258	(3.000.000)	10.587.258
Cộng	(326.830.071)	8.112.146.381	(2.411.612.400)	5.373.703.910

(*) Thu n p th a trình bày ch tiêu Thu và các kho n khác ph i thu Nhà n c (xem thuy t minh V.6).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty n p thu giá tr gia tǺng theo ph ng pháp kh u tr . Thu su t thu giá tr gia tǺng là 10%.

Theo Thông t 13/2009/TT-BTC ngày 22 tháng 01 nǺm 2009 c a B Tài chính, d ch v v n chuy n b ng cáp treo, h th ng máng tr t L c gi m 50% thu su t thu GTGT t ngày 01 tháng 02 nǺm 2009 L n ngày 31 tháng 12 nǺm 2009.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuy t minh s IV.15.

Thu thu nh p doanh nghi p ph i n p trong nǺm L c d tính nh sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
T ng l i nhu n k toán tr c thu	32.032.257.746	26.267.169.896
Các kho n Li u ch nh tǺng, gi m l i nhu n k toán L xác L nh l i nhu n ch u thu thu nh p doanh nghi p:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	157.610.820	396.676.766
- Các khoản điều chỉnh giảm	(62.700.000)	(93.039.834)
T ng thu nh p ch u thu	32.127.168.566	26.570.806.828
Thu su t thu thu nh p doanh nghi p	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	8.031.792.142	7.439.825.912
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (*)	(2.409.537.643)	(3.845.235.454)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.622.254.499	3.594.590.458

(*) Công ty L c gi m 30% s thu thu nh p doanh nghi p ph i n p nǺm 2009 theo Thông t s 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 nǺm 2009 c a B Tài chính.

Tiền thuê đất

Theo quy L nh t i Li u 2 H p L ng thuế L t s 05/05 HǺ -TǺ.Ǻ C ngày 26 tháng 5 nǺm 2008 và H p L ng thuế L t s 01/05 HǺ -TǺ ngày 08 tháng 5 nǺm 2009, Công ty ph i n p ti n thuế L t L i v i di n tích 285.134,9 m² L t Lang s d ng 279.193.839 VND/nǺm L c n L nh 5 nǺm k t ngày 24 tháng 10 nǺm 2007 và h t th i h n trên thì L c tính l i theo quy L nh c a Ngh L nh 142/2005/NǺ -CP ngày 14 tháng 11 nǺm 2005 c a Chính ph ; L i v i di n tích 13.242,4 m² b sung v i m c 71.826.778 VND/nǺm L c n L nh 5 nǺm k t ngày 08 tháng 5 nǺm 2009 và h t th i h n trên thì L c tính l i.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và n p theo qui L nh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

15. Phải trả người lao động

Công ty xây dựng quy định kế hoạch năm, tính toán xác định nên giá trị nên trả người lao động trên tổng doanh thu trừ tổng chi phí kế hoạch (chưa tính chi phí lãi và kinh phí công Loàn).

Quy định thực tế xác định nên trả người lao động (tr) và 70% phần quy định (gim) so với quy định kế hoạch.

Số dư cuối năm là tiền lãi tháng 13 và tiền thưởng và phúc lợi khác.

16. Chi phí phải trả

Phí kiểm toán phí trả.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bồi hiểm xã hội, kinh phí công Loàn	12.955.799	16.800.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	40.000.000	20.000.000
Phí trả khác	9.021.182	1.708.232
Cộng	61.976.981	38.508.232

18. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số dư đầu năm	606.421.350
Số trích lập trong năm	138.247.600
Số chi trong năm	(4.120.700)
Số cuối năm	740.548.250

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	15.985.000.000	15.331.704.814	1.943.780.300	13.528.145.454	46.788.630.568
Lãi nhuận trong năm	-	-	-	22.771.748.630	22.771.748.630
Trích lập các quỹ	-	10.568.545.454	-	(11.854.045.454)	(1.285.500.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(4.955.350.000)	(4.955.350.000)
Chi khen thưởng	-	-	-	(582.000.000)	(582.000.000)
Số dư cuối năm trước	15.985.000.000	25.900.250.268	1.943.780.300	18.908.498.630	62.737.529.198
Số dư đầu năm nay	15.985.000.000	25.900.250.268	1.943.780.300	18.908.498.630	62.737.529.198
Phát hành cổ phiếu	15.985.000.000	(15.985.000.000)	-	-	-
Lãi nhuận trong năm	-	-	-	26.436.905.952	26.436.905.952
Trích lập các quỹ	-	11.948.498.630	-	(13.423.498.630)	(1.475.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(6.394.000.000)	(6.394.000.000)
Chi khen thưởng	-	-	-	(926.000.000)	(926.000.000)
Số dư cuối năm nay	31.970.000.000	21.863.748.898	1.943.780.300	24.601.905.952	80.379.435.150

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
V n L u t c a Nhà n c	16.305.200.000	8.152.600.000
V n góp c a các c L o n g khác	15.664.800.000	7.832.400.000
Cộng	31.970.000.000	15.985.000.000

Cổ tức

C t c L ã chi tr trong n Ñ n nh sau:

C t c n Ñ n tr c	6.394.000.000
T m ng c t c n Ñ n nay	-
Cộng	6.394.000.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
S l ng c phi u L Ñ g ký phát hành	3.197.000	1.598.500
S l ng c phi u L ã bán ra công chúng	3.197.000	1.598.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.197.000</i>	<i>1.598.500</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-
S l ng c phi u L c mua l i		-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-
S l ng c phi u L ang l u hành	3.197.000	1.598.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.197.000</i>	<i>1.598.500</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

M nh giá c phi u L ang l u hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Qu L u t phát tri n L c dùng L b sung v n Li u l c a Công ty.

Qu ð phòng tài chính L c dùng L :

- Bù L p nh ng t n th t, thi t h i v tài s n, công n không Lò i L c x y ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù L p kho n l c a Công ty theo quy t L nh c a H i L ng qu n tr .

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Qu khen th ng	216.974.040	221.250.000	(188.700.000)	249.524.040
Qu phúc l i	911.961.055	1.253.750.000	(1.595.443.545)	570.267.510
Cộng	1.128.935.095	1.475.000.000	(1.784.143.545)	819.791.550

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	40.752.940.414	36.792.831.111
- Doanh thu dịch vụ vận chuyển	40.149.140.048	36.299.236.711
- Doanh thu quảng cáo	521.982.184	411.776.218
- Doanh thu khác	81.818.182	81.818.182
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần	40.752.940.414	36.792.831.111

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ là giá vốn của dịch vụ cung cấp. Chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	349.105.274	556.759.018
Chi phí cho nhân viên	374.899.615	196.689.000
Chi phí khấu hao	3.138.765.501	4.554.216.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	495.866.514	540.275.083
Chi phí khác	507.638.001	154.587.481
Cộng	4.866.274.905	6.002.526.702

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.600.886.870	6.961.631.128
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	38.746.409	32.235.070
Lãi đầu tư trái phiếu	12.700.000	32.220.834
Các khoản lãi khác	-	60.819.000
Cộng	8.652.333.279	7.086.906.032

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.721.876.835	5.338.810.011
Chi phí vật liệu	243.604.960	213.515.746
Chi phí công cụ dụng cụ	121.691.443	105.189.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	981.548.338	1.127.611.470
Chi phí khác	241.216.445	294.316.844
Cộng	8.309.938.021	7.079.443.737

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.449.788.597	2.791.061.606
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.069.853	27.589.775
Chi phí công cụ dụng cụ	76.359.951	83.414.392
Thuế, phí và lệ phí	341.221.807	282.193.829
Chi phí dịch vụ mua ngoài	664.294.767	456.296.704
Chi phí khác	758.364.433	967.926.520
Cộng	4.310.099.408	4.608.482.826

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý tài sản cố định	-	10.454.545
Hoa hồng phí bảo hiểm	50.336.924	65.129.345
Thu nhập từ cho thuê vật tư	28.636.364	17.500.000
Thu từ liên hệ kinh doanh	32.090.646	-
Thu nhập khác	2.232.453	53.312.272
Cộng	113.296.387	146.396.162

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.436.905.952	22.771.748.630
Các khoản lợi nhuận tổng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu phi ưu đãi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu phi ưu đãi	26.436.905.952	22.771.748.630
Cổ phiếu ưu đãi đang lưu hành bình quân trong năm (*)	3.197.000	3.197.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.269	7.123

(*) Cổ phiếu ưu đãi đang lưu hành bình quân trong năm để tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu ưu đãi đang lưu hành đầu năm	1.598.500	1.598.500
Thêm hoặc giảm cổ phiếu ưu đãi mua lại	-	-
Thêm hoặc giảm cổ phiếu ưu đãi thưởng phát hành trong năm theo tỷ lệ 1:1	1.598.500	1.598.500
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.197.000	3.197.000

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	612.780.087	797.864.539
Chi phí nhân công	9.546.565.047	8.326.560.617
Chi phí công cụ, dụng cụ	198.051.394	343.191.539
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.138.765.501	4.554.216.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.141.709.619	2.124.183.257
Chi phí khác	1.848.440.686	1.544.437.193
Cộng	17.486.312.334	17.690.453.265

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng cộng	1.073.973.255	1.044.647.967
Cộng	1.073.973.255	1.044.647.967

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cáp treo du lịch và thương mại Tây Ninh	Cổ đông sở hữu 51%
Công ty cáp treo khách sạn và lữ hành Tây Ninh	Công ty góp vốn
Công ty cáp treo núi Bà Tây Ninh	Công ty góp vốn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần du lịch và thương mại Tây Ninh		
Mua hàng hóa, dịch vụ	17.679.592	190.873.906
Doanh thu hoạt động bán vé xe lửa	667.454.545	697.297.091

Tính ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần du lịch và thương mại Tây Ninh		
Phí trả tiền thuê bán vé xe lửa	-	41.160.000
Cộng nợ phải trả	-	41.160.000

2. Điều chỉnh hồi tố

Vì có phát hành cổ phiếu trong năm tài chính năm 2019 nên số liệu so sánh của năm trước trên cổ phiếu năm trước là:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	70	14.246	7.123

3. Thay đổi ước tính kế toán

Trong năm, Công ty đã điều chỉnh giảm chi phí gian lận hao mòn tài sản cố định vì thời gian sử dụng ngắn hơn năm trước qua cho thời gian hao mòn các năm trước chưa hết. Vì vậy thay đổi chi phí gian lận hao mòn này làm cho chi phí hao mòn năm nay tăng 2.085.039.513 VND so với chi phí gian lận hao mòn năm trước.

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tính ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tính trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng năm trước	100.000.000	100.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	300.000.000	400.000.000
Trên 5 năm	-	-
Cộng	400.000.000	500.000.000

Công ty thuê văn phòng để hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong 10 năm và có khả năng gia hạn thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	95,70	89,91
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	4,30	10,09
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	9,80	5,08
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	90,20	94,92
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	10,20	19,67
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	10,65	21,49
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	10,02	18,98
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	78,60	71,39
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	64,87	61,89
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	35,58	39,04
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	29,37	33,84
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	32,89	36,30

Tây Ninh, ngày 15 tháng 01 năm 2010

Trần Thị Song Giang
Người lập biểu
(Đã ký)

Nguyễn Văn Sinh
Kế toán trưởng
(Đã ký)

Lê Hữu Phước
Giám đốc
(Đã ký và đóng dấu)